PHỤ LỤC

DANH SÁCH Y, BÁC SĨ KHÁM, CHỮA BỆNH LAO ĐƯỢC TẬP HUẤN THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 36/TT-BYT TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Công văn số: 1516 /SYT-NVY ngày 04/8/2022 của Sở Y tế)

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
1	Lò Việt Tấn	TTYT Than Uyên	1396009265	000089/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4701/2021-B45	22/10/2021
2	Hoàng Anh Tuấn	TTYT Than Uyên	1398000050	002633/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4703/2021-B45	22/10/2021
3	Đỗ Mạnh Hùng	TTYT Than Uyên	6108000206	0001775/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4700/2021-B45	22/10/2021
4	Nguyễn Văn Hòa	TTYT Than Uyên	1212000144	000826/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4699/2021-B45	22/10/2021
5	Dương Thị Na	TYT Phúc Than	1210003727	000779/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4697/2021-B45	22/10/2021
6	Lê Thị Bích Ngọc	TYT Mường Than	1210003720	000810/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4695/2021-B45	22/10/2021
7	Hoàng Văn Dôm	TYT Mường Mít	1210003750	0002677/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4694/2021-B45	22/10/2021
8	Nguyễn Thị Duyên	TYT Thị Trấn	1212000137	000793/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4688/2021-B45	22/10/2021
9	Lường Thị Loan	TYT Thị Trấn	1210003752	0002642/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4698/2021-B45	22/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
10	Hoàng Thị Nhâm	TYT Hua Nà	1396009299	000742/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4690/2021-B45	22/10/2021
11	Lìm Thị Hoảng	TYT Mường Cang	1212000160	0002623/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4692/2021-B45	22/10/2021
12	Vũ Thị Kim Loan	TYT Mường Cang	1211002291	000788/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2076/2022-B45	25/03/2022
13	Hà Thị Hưởng	TYT Mường Kim	1212000152	0002581/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2077/2022-B45	25/03/2022
14	Lò Thị E	TYT Tà Mung	1212000150	0002696/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4687/2021-B45	22/10/2021
15	Đèo Văn Soi	TYT Tà Mung	1211004685	001553/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4693/2021-B45	22/10/2021
16	Nguyễn Thị Thành	TYT Ta Gia	1208002140	0002702/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2078/2022-B45	25/03/2022
17	Lường Thị Lột	TYT Khoen On	1210002383	0002635/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4691/2021-B45	22/10/2021
18	Lò Văn May	TYT Pha Mu	1396009266	0002692/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4696/2021-B45	22/10/2021
19	Tòng Văn Dương	Tà Hừa	1215000512	0001745/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4689/2021-B45	22/10/2021
20	Phạm Thanh Hùng	TTYT Sìn Hồ	1299016061	000841/LCH - CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4663/2021-B45	22/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
21	Đoàn Ngọc Hùng	TTYT Sìn Hồ	1297010744	000894/LCH - CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4659/2021-B45	22/10/2021
22	Đặng Minh Thúy	Khoa KSBT&HIV/AIDS	1210000735	0002179/LCH - CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4665/2021-B45	22/10/2021
23	Tẩn A Xoang	Khoa KSBT&HIV/AIDS	1120169207	Đang chờ cấp	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4657/2021-B45	22/10/2021
24	Lê Thị Thanh Hương	Khoa Nội - YHCT-TN	6107000251	0002718/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4660/2021-B45	22/10/2021
25	Hạng A Dìa	Khoa Nội - YHCT-TN	1216000142	001585/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4662/2021-B45	22/10/2021
26	Lương Thị Lan	Khoa Khám bệnh	1209001305	0002145/LCH - CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4664/2021-B45	22/10/2021
27	Nguyễn Đình Chính	TTYT Sìn Hồ Cơ sở 2	1297010754	0002510/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4658/2021-B45	22/10/2021
28	Chúng Sử Tân	TTYT Sìn Hồ Cơ sở 2	1297010756	0002717/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4661/2021-B45	22/10/2021
29	Trịnh Thị Dung	Trạm Y tế xã Ma Quai	4024211568	0001768/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4640/2021-B45	22/10/2021
30	Lò Văn Xiếm	Trạm Y tế xã Ma Quai	1209001300	0002440/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4644/2021-B45	22/10/2021
31	Vàng Văn Tà	Trạm Y tế xã Căn Co	1210000736	0002439/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4635/2021-B45	22/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
32	Lò Thị Thoa	Trạm Y tế xã Nậm Hăn	1210000743	0001292/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4643/2021-B45	22/10/2021
33	Chẻo A Sểnh	Trạm Y tế xã Nậm Cuổi	6104000259	0002522/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4641/2021-B45	22/10/2021
34	Nguyễn Duy Cường	Trạm Y tế xã Noong Cẻo	1220481998	0001966/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4646/2021-B45	22/10/2021
35	Lừu Chiu Mẩy	Trạm Y tế xã Pu Sam Cáp	1211002620	0001285/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4650/2021-B45	22/10/2021
36	Vàng Văn Ên	Trạm Y tế xã Pa Khóa	1209001292	0002499/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4648/2021-B45	22/10/2021
37	Lò Thị Lâm	Trạm Y tế xã Pa Khóa	1210000461	0002529/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4647/2021-B45	22/10/2021
38	Phạm Thị Thúy Nga	Trạm Y tế xã Nậm Tăm	6107000226	0001261/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4645/2021-B45	22/10/2021
39	Lò Văn Tuyển	Trạm Y tế xã Nậm Cha	1208001519	0002490/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4642/2021-B45	22/10/2021
40	Nguyễn Văn Thuận	Trạm Y tế xã Lùng Thàng	1210000751	0002182/CH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4639/2021-B45	22/10/2021
41	Vùi Thị Bức	Trạm Y tế xã Hồng Thu	1209002741	0001293/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4637/2021-B45	22/10/2021
42	Đặng Qúy Tình	Trạm Y tế xã Phìn Hồ	1208000350	0001294/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4652/2021-B45	22/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
43	Triệu Anh San	Trạm Y tế xã Lùng Thàng	1299016057	0002435/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4655/2021-B45	22/10/2021
44	Tẩn A Lồng	Trạm Y tế xã Phăng Sô Li	6104000258	0002504/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4651/2021-B45	22/10/2021
45	Bạc Thị Tuyên	Trạm Y tế xã Pa Tần	1208001521	0002397/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4649/2021-B45	22/10/2021
46	Lý Thị Thu Liên	Trạm Y tế xã Chăn Nưa	1213003114	000863/LCH - CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4636/2021-B45	22/10/2021
47	Lý A Cát	Trạm Y tế xã Tủa Sín Chả	1209001289	0002515/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4656/2021-B45	22/10/2021
48	Phùng Hùng Cường	Trạm Y tế xã Làng Mô	1213003109	0002178/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4638/2021-B45	22/10/2021
49	Mùa Thị Sùng	Trạm Y tế xã Tả Ngảo	1213002553	0002518/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4654/2021-B45	22/10/2021
50	Mào Văn Diến	Trạm Y tế xã Tả Ngảo	1211002604	0002176/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4654/2021-B45	22/10/2021
51	Nguyễn Thị Hoa Dung	Trạm Y tế xã Sà Dề Phìn	1208001527	0002426/LCH	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4653/2021-B45	22/10/2021
52	Đỗ Thị Khánh Hòa	Trạm Y tế xã Thị trấn	1213003300	0001850/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4643/2021-B45	22/10/2021
53	Phạm Mạnh Hùng	BV Phổi tỉnh	1297006964	0002166/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6662/2021-B45	15/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
54	Nguyễn Thị Miễn	BV Phổi tỉnh	1201001792	000453/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6661/2021-B45	15/10/2021
55	Nguyễn Tiến Hưng	BV Phổi tỉnh	1298015512	000479/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6672/2021-B45	15/10/2021
56	Hồ Thị Nội	BV Phổi tỉnh	6106001039	000433/LCH-CCHN 28/7/2017	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6665/2021-B45	15/10/2021
57	Trần Thị Thuỷ	BV Phổi tỉnh	1211001210	0002760/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6659/2021-B45	15/10/2021
58	Nguyễn Văn Lương	BV Phổi tỉnh	6106000907	001588/LCH-CCHN 26/9/2017	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6660/2021-B45	15/10/2021
59	Nguyễn T.Hồng Nhung	BV Phổi tỉnh	6106000527	000471/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6669/2021-B45	15/10/2021
60	Nguyễn Thị Thảo	BV Phổi tỉnh	6107000081	001786/LCH- CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6671/2021-B45	15/10/2021
61	Nguyễn Văn Tuyên	BV Phổi tỉnh	1211001221	000443/LCH - CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6663/2021-B45	15/10/2021
62	Phùng Văn Chung	BV Phổi tỉnh	1211001222	0002113/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6673/2021-B45	15/10/2021
63	Nguyễn Xuân Giang	BV Phổi tỉnh	610600911	001555/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6670/2021-B45	15/10/2021
64	Lò Thị Chiến	BV Phổi tỉnh	1212002208	000603/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6664/2021-B45	15/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
65	Ngô Thị Chữ	BV Phổi tỉnh	6106000593	002066/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6666/2021-B45	15/10/2021
66	Nguyễn Văn Đức	BV Phổi tỉnh	1211001211	000474/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6667/2021-B45	15/10/2021
67	Đỗ Thành Nguyên	BV Phổi tỉnh	6105000464	000459/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6668/2021-B45	15/10/2021
68	Đồng Xuân Linh	TTYT Phong Thổ	1297009700	000024/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6693/2021-B45	22/10/2022
69	Lý Thị Giang	TTYT Phong Thổ	1203002122	0002737/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6692/2021-B45	22/10/2022
70	Tống Văn Chiên	TTYT Phong Thổ	6104000514	00002037/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6694/2021-B45	22/10/2022
71	Vương Văn Chiến	TYT Vàng Ma Chải	1213001369	0002761/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6678/2021-B45	22/10/2022
72	Thùng Thị Phương	TYT Ma Li Pho	1210000424	0002753/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6682/2021-B45	22/10/2022
73	Phạm Công Hợp	TYT Mù Sang	1203002114	002741/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6684/2021-B45	22/10/2022
74	Nguyễn Hữu Trang	TTYT Phong Thổ	6107001270	0001031/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	66962021-B45	22/10/2022
75	Nguyễn Đình Liệu	TTYT Phong Thổ	1213001333	001591/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6695/2021-B45	22/10/2022

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
76	Mai Tuấn Hải	Phòng khám Mường So	6107001507	002047/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6675/2021-B45	22/10/2022
77	Nguyễn Thị Hằng	TYT Thị trấn	1203002116	0002040/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6677/2021-B45	22/10/2022
78	Pờ Văn Thịnh	TYT Bản Lang	1209002746	0002016/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6679/2021-B45	22/10/2022
79	Bùi Thị Mỹ Giang	TYT Lản Nhì Thàng	1213001927	001542/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6681/2021-B45	22/10/2022
80	Thùng Thị Vấn	TYT Nậm Xe	1209002740	0002742/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6685/2021-B45	22/10/2022
81	Phàn Phủ Liêu	TYT Sì Lở Lầu	1209001602	0001982/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6687/2021-B45	22/10/2022
82	Dương Thị Thúy Nga	TTYT Phong Thổ	6107001516	001534/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6690/2021-B45	22/10/2022
83	Lê Đức Toán	TTYT Phong Thổ	1203002107	0001009/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6691/2021-B45	22/10/2022
84	Phạm Văn Dương	Phòng khám Mường So	9708433117	001212/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6676/2021-B45	22/10/2022
85	Vàng Văn Quế	Phòng khám Dào San	1212002752	0001450/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6674/2021-B45	22/10/2022
86	Giàng Thị Hòa	TYT Hoang Thèn	1209002731	0002021/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6680/2021-B45	22/10/2022

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
87	Nguyễn Văn Hồng	TYT Sin Suối Hồ	1208001549	0002013/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6688/2021-B45	22/10/2022
88	Đồng Thu Hằng	TYT Pa Vây Sử	1220225893	0001730/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6686/2021-B45	22/10/2022
89	Nguyễn Văn Luyến	TYT Mồ Sì San	1203002123	0002739/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6683/2021-B45	22/10/2022
90	Lò Văn Tiệp	TYT Huổi Luông	1213001338	0001996/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6711/2021-B45	22/10/2022
91	Vũ Tuấn Anh	TYT Tung Qua lìn	6105000570	0002000/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6689/2021-B45	22/10/2022
92	Dương Văn Quân	TTYT Tam Đường	6105000462	0002601/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4683/2021-B45	22/10/2021
93	Lù Văn Tình	TTYT Tam Đường	1203002025	000634/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4684/2021-B45	22/10/2021
94	Nguyễn Thanh Sơn	TTYT Tam Đường	6107002202	001623/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4680/2021-B45	22/10/2021
95	Trần Ngọc Hà	TTYT Tam Đường	1208001828	000641/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4681/2021-B45	22/10/2021
96	Vũ Thị Hồng Linh	TTYT Tam Đường	1210000085	000608/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	37/2017-B55	25/11/2017
97	Nguyễn Văn An	TTYT Tam Đường	6105000917	000557/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2254/2016-B45	19/8/2016

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
98	Đinh Quốc Huy	TTYT Tam Đường	6106001044	0001421/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4686/2021-B45	22/10/2021
99	Tòng Thị Quỳnh Duyê	TTYT Tam Đường	6107002309	0002067/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4685/2021-B45	22/10/2021
100	Lê Thị Hồng Nhung	TTYT Tam Đường	6107002214	000632/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2013/B55	1/9/2013
101	Đinh Bá Khanh	TYT Bản Giang	1220075264	001703/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4682/2021-B45	22/10/2021
102	Biện Thị Hà	TYT Bình Lư	1214000323	0001724/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4671/2021-B45	22/10/2021
103	Lù Thị Tình	TYT Sơn Bình	1297009748	000651/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4677/2021-B45	22/10/2021
104	Đèo Văn Phương	TYT Bản Bo	1201000067	0002552/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4668/2021-B45	22/10/2021
105	Đèo Thị Hồng	TYT Nà Tăm	1210000074	0002618/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4675/2021-B45	22/10/2021
106	Đỗ Đình Trọng	TYT Sơn Bình	1212000662	000577/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4674/2021-B45	22/10/2021
107	Nguyễn Kiều Oanh	TYT Bản Hon	1212000602	000578/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4670/2021-B45	22/10/2021
108	Vàng Thị Tinh	TYT Khun Há	1210000061	0002546/ LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4669/2021-B45	22/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
109	Phạm Thế Anh	TYT Nùng Nàng	1220455560	001704/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4676/2021-B45	22/10/2021
110	Giàng A Tao	TYT Thèn Sin	1297003955	0002489/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4679/2021-B45	22/10/2021
111	Sình Thị Sông	TYT Tả Lèng	1220074060	001687/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4678/2021-B45	22/10/2021
112	Bùi Hữu Thắng	TYT Giang Ma	1306003166	0001468/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4672/2021-B45	22/10/2021
113	Đỗ Thị Cẩm Vân	TYT Hồ Thầu	6106001605	0002553/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4673/2021-B45	22/10/2021
114	Nguyễn Kim Tân	TYT Thị trấn	1201001141	0002605/LCH -CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4667/2021-B45	22/10/2021
115	Nguyễn Thị Hoa	TTYT huyện Tân Uyên	6106000612	0001428/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2747/2021-B45	04/10/2021
116	Nguyễn Thị Lý	TTYT huyện Tân Uyên	1216001273	0001616/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2067/2022-B45	25/03/2022
117	Lò Văn Tiến	TYT xã Thân Thuộc	1211001372	0001899/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2746/2021-B45	04/10/2021
118	Trần Thị Hoàn	TYT TT Tân Uyên	1208002142	0001803/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2069/2022-B45	25/03/2022
119	Nguyễn Lương Nại	TYT xã Phúc Khoa	1399000292	0001845/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2073/2022-B45	25/03/2022

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
120	Hà Thị Văn	TYT xã Pắc Ta	1211002502	0001820/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2072/2022-B45	25/03/2022
121	Hà Tiến Quân	TYT xã Hố Mít	1208001302	0001868/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2070/2022-B45	25/03/2022
122	Nguyễn Thị Huệ	TYT xã Nậm Cần	1210002254	0001838/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2071/2022-B45	25/03/2022
123	Nguyễn Văn Công	TYT xã Nậm Sỏ	1210002258	0001872/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2068/2022-B45	25/03/2022
124	Nguyễn Thị Thiện	TTYT Thành Phố	6107000492	001034/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2744/2021-B45	04/10/2021
125	Nguyễn Thị Thu Lan	TTYT Thành Phố	1203001160	0001125/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2745/2021-B45	04/10/2021
126	Tạ Thị Tỉnh	TTYT Thành Phố	6107002197	002255/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2743/2021-B45	04/10/2021
127	Trần Thị Nga	TYT xã San Thàng	1297004145	0001128/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2748/2021-B45	04/10/2021
128	Giang Thị Hải Anh	TYT phường Đông Phong	1211000830	0001155/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2738/2021-B45	04/10/2021
129	Vũ Thị Thảo	TYT phường Tân Phong	1297009716	0001135/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2741/2021-B45	04/10/2021
130	Đặng Thị Hạnh	TYT phường Quyết Thắng	1297003953	0001141/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2740/2021-B45	04/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
131	Trần Thị Nhung	TYT phường Quyết Tiến	1297003873	0002086/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2739/2021-B45	04/10/2021
132	Nguyễn Đức Hòa	TYT xã Sùng Phài	1297003873	0002103/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2742/2021-B45	04/10/2021
133	Vũ Thị Minh Nguyệt	TYT phường Đoàn Kết	1796007227	0001154/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	2737/2021-B45	04/10/2021
134	Đao Thị An	TTYT Mường Tè	1297013784	0001967/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5779/2021-B45	17/12/2021
135	Chu Cà Phạ	TTYT Mường Tè	1213002999	0001088/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5777/2021-B45	17/12/2021
136	Mào Hồng Thắm	TTYT Mường Tè	1220095437	002277/ LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5778/2021-B45	17/12/2021
137	Lùng Thị Đại	TTYT Mường Tè	1209000369	0001107/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5781/2021-B45	17/12/2021
138	Lý Thị Chung	TTYT Mường Tè	1202000912	0001106/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5780/2021-B45	17/12/2021
139	Tống Thị Lan	TTYT Mường Tè	1216000887	001671/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5776/2021-B45	17/12/2021
140	Pờ Chà Phòng	TYT xã Can Hồ	1209000392	001662/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5766/2021-B45	17/12/2021
141	Lỳ Phù Phạ	TYT xã Thu Lũm	1220127651	0002203/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5774/2021-B45	17/12/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
142	Đao Thị Cúc	TYT xã Mường Tè	1209000424	0001959/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5768/2021-B45	17/12/2021
143	Giàng Páo Ly	TYT xã Nậm Khao	1209000385	0001942/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5769/2021-B45	17/12/2021
144	Sùng A Nhà	TYT xã Tà Tổng	1214001373	002279/ LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5773/2021-B45	17/12/2021
145	Lò Văn Học	TYT xã Pa Ủ	1220141109	0002201/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5770/2021-B45	17/12/2021
146	Vàng Văn Lan	TYT xã Vàng San	1213003006	0001909/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5775/2021-B45	17/12/2021
147	Khoàn Hà Tư	TYT xã Pa Vệ Sủ	1209000402	0001943/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5771/2021-B45	17/12/2021
148	Phạm Tiến Công	TYT xã Bum Tở	1211003515	0001945/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5765/2021-B45	17/12/2021
149	Lỳ Ly Xuân	TYT xã Tá Bạ	1213002087	0001912/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5772/2021-B45	17/12/2021
150	Chu Chùy Lòng	TYT xã Mù Cả	1202001060	0001928/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5767/2021-B45	17/12/2021
151	Mào Thị Kim Oanh	PK Mường Tè	1209000367	0001103/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5761/2021-B45	17/12/2021
152	Chu Hà Cà	PK Ka Lăng	1214001360	001668/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5762/2021-B45	17/12/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
153	Lý Văn Minh	TYT Bum Nưa	1209000415	0001915/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5764/2021-B45	17/12/2021
154	Nguyễn Thị Thanh Bìn	TYT Thị Trấn	1213003010	0001177/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	5763/2021-B45	17/12/2021
155	Phạm Tố Mạnh	TTYT Nậm Nhùn	6106001290	0001394/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4629/2021-B45	22/10/2021
156	Lò Thị Khải	TTYT Nậm Nhùn	1211000979	0001324/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4630/2021-B45	22/10/2021
157	Mào Văn Vinh	TTYT Nậm Nhùn	6205001199	002626/ĐB-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4627/2021-B45	22/10/2021
158	Vàng A Cá	TTYT Nậm Nhùn	1216002948	001714/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4631/2021-B45	22/10/2021
159	Khoàng Văn Dũng	TTYT Nậm Nhùn	1214001374	0001393/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4628/2021-B45	22/10/2021
160	Lý Thị Nghiện	TYT thị trấn Nậm Nhùn	1213002086	0001325/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4632/2021-B45	22/10/2021
161	Đinh Văn Thế	TYT xã Nậm Manh	820231872	0001395/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4623/2021-B45	22/10/2021
162	Lùng Thị Mai	TYT xã Mường Mô	1215001007	0002197/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4619/2021-B45	22/10/2021
163	Trương Thị Hưng	TYT xã Hua Bum	6107000234	0001332/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4617/2021-B45	22/10/2021

TT	Họ và tên	Tên cơ sở KCB	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Nội dung khóa đào tạo	Số GCN	Ngày cấp GCN
164	Phan Quốc Đạt	TYT xã Nậm Ban	1214000883	0002429/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4520/2021-B45	22/10/2021
165	Nguyễn Văn Thọ	TYT xã Trung Chải	1211002601	0001331/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4626/2021-B45	22/10/2021
166	Trần Xuân Tình	TYT xã Nậm Pì	1213001024	0001334/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4624/2021-B45	22/10/2021
167	Nguyễn Thị Thanh Hoa	TYT xã Pú Đao	6107000227	0001328/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4625/2021-B45	22/10/2021
168	Lò Thị Huyến	TYT xã Lê Lợi	1299015902	0001400/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	4618/2021-B45	22/10/2021
169	Nguyễn Thị Thanh	Phòng khám đa khoa - Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	6105000414	000993/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6646/2022-B45	08/07/2022
170	Nguyễn Văn Mạnh	Phòng khám đa khoa - Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	6105000939	000534/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6647/2022-B45	08/07/2022
171	Phong Anh Quân	Phòng khám đa khoa - Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	1201000069	0001234/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6648/2022-B45	08/07/2022
172	Tống Thị Chinh	Phòng khám đa khoa - Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	1200018442	000526/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6649/2022-B45	08/07/2022
173	Vũ Thị Thu Hiền	Phòng khám đa khoa - Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	6106000614	002112/LCH-CCHN	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.	6650/2022-B45	08/07/2022